Bước đầu tìm hiểu nội dung chữ Phạn quả chuông chùa Mơ Táo

NGUYỄN MẠNH CƯỜNG(*)

Quả chuông có tên là *Phúc Khánh tự chung,* có nghĩa là quả chuông của chùa Phúc Khánh (làng Mơ Táo, phường Mai Động, quận Hoàng Mai, Hà Nội). Song do thói quen, chúng tôi vẫn gọi là quả chuông chùa Mơ Táo.

Làng Mơ Táo vốn là một xóm cũ của làng Mai Động. Làng này mới được tách ra vào cuối thời Lê đầu thời Nguyễn, nhưng về mặt hành chính thì cho đến nay vẫn thuộc về làng Mai Động, còn những tập quán tín ngưỡng thì làng Mơ Táo đã tách riêng khỏi làng Mai Động từ lâu.

Vào những năm 80 của thế kỉ XX, chúng tôi có dịp khảo sát di tích làng Mơ Táo và đã phát hiện ra quả chuông nằm trong đình làng Mơ Táo.

Sau khi phát hiện, được sự khuyến khích của GS. Hà Văn Tấn, chúng tôi đã viết bài *Góp thêm một qủa chuông Tây Sơn ở Hà Nội* vào năm 1986(1). Cùng vào thời gian này, GS. Hà Văn Tấn cũng đã chú ý tới những chữ Phạn còn ghi lại trên các chùa Việt Nam(2).

Gần đây, chùa Phúc Khánh làng Mơ Táo mới được tu bổ khá lớn. Cổng tam quan chùa được làm bằng đá. Chân móng của chùa cũng như hai hồi gian Tam Bảo cũng được làm bằng đá có trang trí hình Phật ngồi thiền đĩnh đạc, khoan thai. Bên trong chùa chúng tôi lại gặp lại quả chuông *Phúc Khánh tự chung*.

Chuông chùa Phúc Khánh có kích thước cao 0,9m, đường kính phần dưới 0,45m, quai cao 0,27m. Toàn bộ chuông được chia thành 2 phần:

- Quai chuông: Quai chuông là hình hai con rồng uốn cong, đầu quay trở xuống phía dưới, hai đuôi xoắn lấy nhau tạo thành hình chữ U ngược.

- Thân chuông: thân chuông là khối trụ thon tròn trên đầu hơi bóp lại, phía dưới loe rộng ra, rỗng lòng. Bên ngoài thân chuông chia thành 4 ô hay quen gọi là 4 mặt. Các mặt chuông được phân cách bởi 3 đường gờ đúc nổi chạy thẳng từ trên xuống dưới. Cũng trên đường dải phân cách này đoạn gần cuối loe ra của chuông xuất hiện một núm tròn đúc nổi đường kính chừng 5 cm. Đấy là những núm tròn nổi để gõ chuông.

Phía dưới mỗi mặt chuông phần từ núm tròn xuống chân loe ra có những ô trang trí nhỏ. Bên trong những ô này của

---

*. TS., Viện Nghiên cứu Tôn giáo.

1. Xem: Nguyễn Mạnh Cường, Lê Thị Liên. *Góp thêm một quả chuông Tây Sơn ở Hà Nội*. Trong: *Những phát hiện mới về khảo cổ học năm 1986,* Nxb. KHXH, Hà Nội 1987, tr. 350 -351.

2. Xem: Hà Văn Tấn. *Về những dòng chữ Phạn trong các chùa Việt Nam*. Trong: *Những phát hiện mới về khảo cổ học năm 1994*, Nxb. KHXH, Hà Nội 1995.

chuông chùa Phúc Khánh được trang trí hình tứ linh: *Long, Ly, Quy, Phượng*. Đây cũng là những dấu hiệu giúp nhận ra thứ tự của 4 mặt chuông. Mô típ trang trí hình rồng là mặt chuông thứ nhất. Trang trí hình lân là mặt chuông thứ hai. Trang trí hình con rùa (quy) là mặt chuông thứ ba. Trang trí hình chim phượng là mặt chuông thứ tư. Với những người biết chữ Hán thì việc nhận ra các mặt chuông sẽ thông qua cách đọc các chữ lớn trên chuông. Mỗi mặt chuông có ghi một chữ lớn (đại tự) nên thông thường có 4 chữ. Về nguyên tắc hai chữ đầu bao giờ cũng là tên chùa, sau đó là hai chữ *tự* và *chung*. Tại chuông chùa Phúc Khánh, các chữ được sắp xếp như sau: "*Phúc Khánh tự chung*". Như vậy thì chữ *Phúc* sẽ là mặt thứ nhất. Chữ *Khánh* là mặt thứ hai. Chữ *Tự* là mặt thứ ba. Còn chữ *Chung* là mặt thứ tư.

Toàn bộ bốn mặt chuông dày đặc chữ đúc nổi, chia thành hai loại là chữ Hán và chữ Phạn.

1. Minh văn chữ Hán

Dòng thứ nhất:

Bảo Hưng nhị niên ngũ nguyệt, nhị thập nhất nhật. Canh Dần đúc thành tại Nhâm Tuất tu tạo.

Có nghĩa là (dịch nguyên văn, NMC nhấn mạnh):

Quả chuông được làm vào ngày 21 tháng 5 năm Bảo Hưng thứ 2 (1802). Quả chuông được đúc *thành* vào năm Canh Dần. Năm Nhâm Tuất (tức Bảo Hưng nhị niên) được *tu sửa lại*.

Dòng chữ thứ hai:

An Quảng xứ Phật tử Hiệp trấn Tuyên hoá hầu Trần Thái An hưng tạo

Có nghĩa là: Phật tử Trần Thái An làm quan Hiệp trấn, hiệu là Tuyên hoá hầu ở xứ An Quảng (tức vùng Yên Tử hiện nay) cho hưng công đúc chuông.

Câu hỏi được đặt ra là: Thứ nhất, tại sao quả chuông này được tu tạo hay sửa chữa lại? Nếu sửa thì sửa như thế nào?

Thứ hai, mối quan hệ giữa Phật tử Trần Thái An với chùa Phúc Khánh ra sao?

Thứ ba, thực chất là quả chuông được làm trong bối cảnh lịch sử xã hội như thế nào?

2. Minh văn chữ Phạn

Chữ Phạn được đúc nổi cả bốn mặt chuông. Trên mỗi mặt chuông lại chia thành hai đoạn mà chúng tôi tạm gọi là đoạn trên và đoạn dưới. Cụ thể:

- Mặt chuông thứ nhất (chữ Phúc) có hai đoạn: đoạn trên có 8 chữ, đoạn dưới có 6 chữ. Các chữ thường có kích thước khoảng 5cm mỗi cạnh.

- Mặt chuông thứ hai (chữ Khánh) có 2 đoạn: đoạn trên có 28 chữ, đoạn dưới có 35 chữ. Các chữ bố trí thành 7 hàng ngang, kích thước khoảng 3 cm mỗi cạnh.

- Mặt chuông thứ ba (chữ Tự) có 2 đoạn: Đoạn trên có 24 chữ, đoạn dưới có 24 chữ.

Các chữ bố trí thành 6 hàng ngang và 4 hàng dọc, kích thước chữ khoảng 4 cm mỗi cạnh.

- Mặt chuông thứ 4 (chữ Chung) có 2 đoạn: Đoạn trên có 16 chữ, đoạn dưới có 9 chữ. Các chữ có kích thước khoảng 5cm mỗi cạnh.

Cách bố trí chữ ở đoạn dưới theo một hình tròn khá đẹp và lạ mắt.

Như vậy, theo cách bố trí này, các chữ Phạn bắt đầu từ bài chú 8 chữ và kết thúc bằng câu chân ngôn 9 chữ.

Ở đây, chúng tôi chỉ xin đọc và phiên âm câu chân ngôn khá nổi tiếng của Mật tông mà nhiều người từng biết.

Câu chân ngôn 9 chữ là :

Án (Úm) chiết lệ chủ lệ chuẩn đề ta phạ ha

Câu chân ngôn được hiểu theo nhiều cách. Vì vậy, với 9 chữ người ta có thể bố trí các chữ theo thứ tự trước sau, trên dưới hoặc thành một vòng tròn như trên chuông chùa Phúc Khánh.

Lối bố trí 9 chữ theo một vòng tròn được gọi là *Viên Minh Bố Liệt Phạn thơ đồ*.

Theo *Trì Tạng Minh Nghi Quỹ*[3] thì:

- Án là Tì Lô Giá Na Phật căn bản

- Chiết là Đại Luân Vương căn bản.

- Lệ là Đại Phẫn Nộ Bất Động Tôn Minh Vương căn bản (cũng là Mã Đầu Minh Vương căn bản).

- Chủ là Tứ Tí Phật Thần căn bản.

- Lệ là Bất Không Quyển Tát căn bản, cũng là Quán Tự Tại Bồ Tát căn bản.

- Chuẩn là Đại Tôn Na Bồ Tát căn bản.

- Đề là Kim Cang Tát Đoá Bồ Tát căn bản.

- Ta Phạ là Y Na Nặc Tra Bồ Tát căn bản.

- Ha là Phạ Nhật Ra Nẵng Khư Minh Vương căn bản.

Cách bố trí 9 chữ theo vòng tròn, còn được cho là mẫu tự chủng tử nghĩa.

Chín chữ Thánh Phạn này sinh tất cả chữ cho nên nói rằng đó là tự mẫu. Nói là chủng tử ấy là dẫn sinh nghĩa, nhiếp trì nghĩa. Lấy một chữ đầu làm chủng tử, sau các chữ là sở hữu quán trì, ý sở dẫn sinh nhiếp vào chữ ban đầu. Nếu đắc được án tự môn bí mật tương ứng này, tức đắc được vô tận pháp tạng của chư Phật, ngộ được tất cả các pháp vốn không sinh, một mà khắp đến tất cả, lời nói trùm khắp, vì lời nói do ngộ tất cả pháp vốn không sinh, nên đạt đến các pháp vốn không đem các pháp nhập vào thật tướng, cho nên không sinh, không diệt, đã ngộ đến tất cả pháp thì lời nói bặt đứt, không còn ngôn thuyết, pháp tướng là bình đẳng, như trận mưa lớn rưới khắp cho nên nói rằng bình đẳng. Mỗi một chữ phái tư duy quán sát, thời tất cả hạnh nguyện đều được đầy đủ.

* Chữ Án (Úm) là nghĩa ba thân, cũng là nghĩa tất cả pháp vốn không sinh. Ngài Kim Trí Cương dịch[4]: chữ Án (Úm) tự môn ấy, là nghĩa lưu trú như dòng nước chảy không sinh, không diệt, là nghĩa tối thắng của tất cả pháp.

* Chữ Chiết là nghĩa tất cả pháp không sinh, không diệt. Ngài Trí Cương dịch là vô hành của tất cả pháp.

* Chữ Lệ nghĩa là vô sở đắc của tất cả pháp tướng.

* Chữ Chủ là nghĩa vô sinh diệt của tất cả pháp. Ngài Trí Cương gọi là nghĩa vô khởi trụ của tất cả pháp.

* Chữ Lệ là nghĩa vô cấu của tất cả pháp.

* Chữ Chuẩn là nghĩa vô đẳng giác của tất cả pháp.

* Chữ Đề là nghĩa vô thủ xả của tất cả pháp.

---

3. Xem: Thích Viên Đức (dịch). *Bộ Mật Tông*. Thành hội Phật giáo Thành phố Hồ Chí Minh 1995, tr. 107.

4. Thích Viên Đức. Sđd., tr. 107.

* Chữ Ta Phạ là nghĩa vô ngôn thuyết bình đẳng của tất cả pháp.

* Chữ Ha là nghĩa vô nhân của tất cả pháp. Điều này nghĩa là với tất cả pháp vô nhân vắng lặng, vô trụ Niết Bàn.

Tóm lại, do tất cả pháp vốn không sinh, nên tức được bất sinh bất diệt. Do bất sinh bất diệt nên tức được tướng vô sở đắc. Do tướng vô sở đắc nên tức được vô sinh diệt. Do vô sinh diệt nên tức được vô cấu. Do vô cấu nên tức được vô đẳng giác. Do vô đẳng giác nên tức được vô thủ xả. Do vô thủ xả nên tức được bình đẳng vô ngôn thuyết. Do bình đẳng vô ngôn thuyết nên được vô nhân vô quả Bát Nhã tương ưng. Vô sở đắc lấy làm phương tiện nhập vào thẳng nghĩa, thật thời chứng pháp giới Chân Như. Đây là Tam Ma Địa niệm tụng.

*

* *

Qua nghiên cứu các chữ trên chuông chùa Phúc Khánh chúng tôi xin đưa ra một số nhận xét sau:

1. Đến nay, chúng ta đã biết một số hiện vật có niên hiệu Bảo Hưng như tiền đồng có chữ *Bảo Hưng thông bảo*, hay trên bài vị gỗ đền Đồng Cổ cũng có chữ Bảo Hưng nhưng về chuông đồng thì đây là lần đầu tiên có niên đại này. Như vậy, với phát hiện này, chúng ta đã góp thêm tư liệu vào phả hệ triều Tây Sơn: Quang Trung, Cảnh Thịnh và Bảo Hưng.

2. Về niên đại quả chuông được đúc vào ngày 21 tháng 5 năm 1802. Tuy chuông không nói rõ năm Canh Dần là thuộc đời vua nào, có thể thời điểm đúc chuông là trước năm 1802. Còn trước bao nhiêu năm thì vẫn còn là vấn đề bỏ ngỏ. Trước tiên, chúng ta cần suy xét sự kiện năm Bảo Hưng thứ 2 ghi trên chuông.

Bảo Hưng là một niên hiệu của vua Quang Toản, con trai của vua Nguyễn Huệ - Quang Trung. Trước niên hiệu Bảo Hưng, vua Quang Toản còn có một niên hiệu khác là Cảnh Thịnh. Niên hiệu Cảnh Thịnh bắt đầu từ năm 1793 kéo dài gần 10 năm. Vào tháng 6 năm 1801, Nguyễn Ánh chiếm Phú Xuân, Quang Toản thua chạy ra Bắc và đổi niên hiệu từ Cảnh Thịnh thứ mười thành niên hiệu Bảo Hưng nguyên niên (1801).

Bước sang năm 1802 là năm Nhâm Tuất, cũng là năm Bảo Hưng thứ hai. Sau khi chiếm được Phú Xuân, Gia Long chưa tuyên bố lên ngôi và tiếp tục tiến quân đánh ra Bắc. Tới ngày 30 tháng 4 năm Nhâm Tuất (1802), Nguyễn Ánh mới chính thức xưng vương lấy hiệu là Gia Long. Như vậy từ sau ngày 30 tháng 4 năm 1802 đã là năm Gia Long nguyên niên.

Trong khi ấy quả chuông được hoàn thành vào ngày 21 tháng 5 năm 1802, muộn hơn so với thời điểm Nguyễn Ánh xưng vương gần một tháng.

Sau khi Nguyễn Ánh lên ngôi vua đã ra lệnh triệt phá nhiều di sản văn hoá của triều đại Tây Sơn. Một trong những hệ quả của nó là khá nhiều quả chuông, tấm bia bị đục nhiều chữ trên dòng lạc khoản hay bị phá huỷ để làm cái khác. Vậy mà quả chuông Mơ Táo vẫn được giữ lại trọn vẹn cho đến ngày nay, chứng tỏ tấm lòng của người Hà Nội với một triều đại hiển hách chống giặc ngoại xâm - triều đại Tây Sơn.

3. Người hưng tạo quả chuông này là Phật tử Trần Thái An – quan Trấn thủ xứ An Quảng (tức vùng Đông Triều – Yên Tử ngày nay). Nơi đây vào thời Trần vốn

là chốn tổ của Thiền phái Trúc Lâm, do vua Trần Nhân Tông sáng lập ra. Việc một Phật tử họ Trần vốn là quan Trấn Hiệp nơi chốn tổ Trúc Lâm hưng tạo quả chuông chùa Phúc Khánh gợi cho chúng ta nhiều suy nghĩ.

Trước tiên là mối quan hệ của chùa Phúc Khánh với các chùa vùng chốn tổ Trúc Lâm. Nếu nhìn vào cách bài trí tượng như hiện nay, khó có thể nói rằng chùa Phúc Khánh có quan hệ mật thiết với thiền phái Trúc Lâm như chùa Phổ Minh ở Nam Định.

Còn một suy nghĩ nữa chưa dễ thuyết phục là vai trò của Phật tử Trần Thái An với chùa Phúc Khánh? Vì sao giữa việc đúc thành quả chuông năm Canh Dần sau lại đem tu tạo vào năm Bảo Hưng (1802)? Việc ngắt quãng thời gian như thế có nói lên điều gì về những năm cuối cùng của lịch sử vương triều Tây Sơn không?

Những câu hỏi này, theo chúng tôi, có thể được lí giải như sau:

Có một quả chuông được Phật tử Trần Thái An cho đúc tại Yên Tử có nội dung giống như nội dung của quả chuông chùa Phúc Khánh. Quả chuông này, được đặt tại một chùa nào đó tại khu vực Yên Tử. Sau đó, quả chuông chùa Phúc Khánh theo như ghi chép là được tu tạo vào năm Nhâm Tuất cũng là năm Bảo Hưng thứ 2. Vậy hai chữ *tu tạo* được hiểu theo nghĩa nào?

Thông thường, khi đúc chuông, những người khởi xướng đúc chuông cùng các tốp thợ đúc phải chuẩn bị khá công phu. Có người phải chuẩn bị nội dung bài minh ghi trên chuông. Có những người lại phải chuẩn bị làm khuôn đúc. Có người, thậm chí là rất nhiều người phải chuẩn bị quyên tiền, mua sắm nguyên liệu như đồng và các hợp kim khác.

Để đúc được chuông, khâu làm khuôn là quan trọng nhất. Khuôn đúc được làm nhiều mang rồi khớp lại với nhau trong một thể thống nhất. Đối với những chuông có dạng chữ đúc nổi thì việc làm khuôn càng đòi hỏi độ chính xác cao. Khi đúc chuông, các lò nấu đồng phải phối hợp với nhau thật nhịp nhàng nếu không đồng đông tạo thành nhiều lớp và không đều nhau làm cho tiếng chuông bị rè.

Nói tóm lại, sự chuẩn bị càng công phu, càng cẩn thận bao nhiêu thì mức độ thành công mới càng nhiều.

Ngày đúc chuông quả là một ngày hội của các, Phật tử. Có nhiều người tham dự trong trật tự. Họ lặng lẽ thả vào các nồi đồng nóng chảy nhiều hiện vật, trang sức bằng vàng của mình với mong muốn dành một chút phúc đức cho con cháu mai sau. Chính nhờ những lượng vàng và những tấm lòng thơm thảo ấy mà nhiều tiếng chuông trong các chùa đã ngân rất vang.

Quá trình tạo chuông đầy công phu, gian khổ như thế có khi kéo dài tới hàng chục năm trời. Do vậy, dòng niên đại *Bảo Hưng nhị niên ngũ nguyệt nhị thập nhất nhật. Canh Dần đúc thành tại Nhâm Tuất tu tạo* để chỉ nghĩa này.

Năm Canh Dần sớm và gần với niên hiệu Bảo Hưng nhị niên là năm 1770 và muộn nhất gần với niên hiệu này là năm 1830. Chắc chắn niên điểm 1830 là không thể xảy ra. Trong trường hợp này có hai cách lí giải sau đây:

Cách lí giải thứ nhất: Phật tử Trần Thái An, hiện đang trấn giữ xứ Quảng An có lòng muốn đúc quả chuông để tại chùa Phúc Khánh – một ngôi chùa chịu

nhiều ảnh hưởng của Mật tông và Phật giáo Tây Tạng nên sử dụng các ngôn từ bùa chú và sức mạnh của chân ngôn để giúp các Phật tử giải thoát khỏi kiếp luân hồi. Ý này của ông bắt đầu nảy sinh từ năm 1770 – có nghĩa là trước cuộc khởi nghĩa Tây Sơn đúng một năm sau hơn 30 năm chuẩn bị, tới năm Bảo Hưng thứ hai (1802) quả chuông mới hoàn thành tại chùa Phúc Khánh? Quả là một thời gian quá dài và có quá nhiều lí do để thấy suy luận ấy chưa hẳn đã đúng.

Cách lí giải thứ hai: Phật tử Trần Thái An vào nhiều năm trước hâm mộ đạo Phật nhất là Mật tông và chịu ảnh hưởng của Phật giáo Tây Tạng nên đã cho đúc một quả chuông có nhiều câu bùa chú của Mật giáo đặt tại khu vực chùa ở khu vực Yên Tử - Quảng An.

Sức mạnh của những câu bùa chú này đã đem lại những thành công về mặt tâm linh. Nhờ những câu chú này mà giải thoát được nhiều người khỏi ách nạn nên có thể đã được những người đương thời cũng như thời sau ngưỡng mộ truyền tai nhau.

Trong vương triều Tây Sơn, có học giả Ngô Thì Nhậm uyên thâm đạo Khổng song lại rất am hiểu đạo Phật – nhất là Thiền phái Trúc Lâm. Có thể thiền phái này gắn nhiều tới chính trị và sự hưng vong của đất nước ở thời Trần cho nên Ngô Thì Nhậm để tâm nghiên cứu. Trong cuốn *Trúc Lâm tông chỉ nguyên thanh*[5], Ngô Thì Nhậm cho rằng, Vua Trần Nhân Tông lên Yên Tử tu hành chủ yếu là để trông chừng giặc phương Bắc. Như vậy, theo học giả này thì Yên Tử – Trúc Lâm như là một tiền đồn canh chừng giặc ngoại xâm. Do vậy, việc đi tu của Trần Nhân Tông và dòng thiền Trúc Lâm là lối tu nhập thế. Trần Nhân Tông sau ngày chiến thắng quân Nguyên Mông đã từ bỏ ngai vàng lên Yên Tử tu hành cũng giống như hoàng tử Tất Đạt Đa ở Ấn Độ từ bỏ ngai vàng để đi tu thành Phật. Hành động trên của vua Trần Nhân Tông đã tạo ra hình ảnh về một vị Phật Việt Nam, dễ dàng thâu nạp nhân tâm của người dân Đại Việt. Sau này, Giác hoàng Trần Nhân Tông khi đã đắc đạo đi khắp đất nước giảng giải kinh sách đồng thời nhắc nhở mọi người dân một lòng yêu nước đánh quân ngoại xâm. Trần Nhân Tông đi về phía Nam và viếng thăm các vua Champa.

Có lẽ những điều này đã tác động mạnh tới Ngô Thì Nhậm, nên ông đã viết nhiều tác phẩm về dòng thiền này. Vì vậy mà người ta vẫn coi Ngô Thì Nhậm là vị tổ thứ tư của dòng Trúc Lâm chăng?

Khi vua Quang Toản thua trận để mất Phú Xuân và chạy ra Bắc, Ngô Thì Nhậm là người hiểu hơn ai hết sự an nguy của triều đại này. Trong nhiều cố gắng nhằm khôi phục lại vương triều Tây Sơn, Ngô Thì Nhậm đã dùng tới *đức tin* của Phật giáo và mong muốn được Đức Phật che chở. Vì vậy, nên người xưa mới dùng lại nội dung trên quả chuông của Trần Thái An? Rất có thể dòng chữ *Canh Dần đúc thành tại Nhâm Tuất tu tạo* để chỉ sự sao chép lại mẫu hình một quả chuông có trước đó của Phật tử Trần Thái An?

Một câu hỏi nữa đặt ra là vì sao làng Mơ Táo lại được chọn để đúc quả chuông này?

Mơ Táo là mảnh đất chưa kịp tách ra từ làng Mai Động - một mảnh đất có hàng nghìn năm lịch sử. Làng Mai Động có tướng Tam Trinh, người đã cùng với nghĩa

5. Xem: Ngô Thì Nhậm. *Trúc Lâm tông chỉ nguyên thanh*. Nxb. KHXH, Hà Nội 1982.

quân của Hai Bà Trưng đánh thắng quân Đông Hán những năm 40 đầu Công nguyên. Ông đã trở thành tổ sư của lò vật Mai Động. Mai Động - Hoàng Mai vào thời Trần lại vốn là thái ấp của vị tướng Trần Khát Chân – nơi có nhiều duyên nợ với vương triều Trần. Quan trọng hơn cả là vào những năm cuối của cuộc kháng chiến chống quân Minh, mảnh đất Mơ Táo - Mai Động phải chăng đã được chọn làm địa điểm tổ chức *Hội thề Đông Quan*[6] nổi tiếng trong lịch sử dân tộc?

Đương thời, Ngô Thì Nhậm am hiểu từng ngõ ngách khu vực Thanh Trì. Chính nhờ ông mà chúng ta biết ngôi mộ giả của vua Quang Trung nằm tại làng Hoằng Liệt (Thanh Trì) là ngôi mộ của bà mẹ chúa Trịnh Sâm. Có thể chính ông đã chọn mảnh đất Mơ Táo, mà cách đó hơn 300 năm trước đã là một địa điểm lịch sử chiến thắng giặc ngoại xâm, để làm một quả chuông đậm dấu ấn Mật tông nhằm cứu vãn sự an nguy của vương triều Tây Sơn.

Đây cũng mới chỉ là một giả thiết công tác nhằm lí giải một hiện tượng lịch sử được đề cập trên bài minh chùa Phúc Khánh. Chỉ tiếc rằng, quả chuông chưa kịp đúc xong thì vương triều Tây Sơn đã sụp đổ. Đất nước ta bước sang trang sử mới.

4. Bài minh chữ Phạn trên chuông chùa Phúc Khánh được ghi lại dưới tự dạng Sanscrit. Song cũng phải hiểu rằng bản thân Sanscrit phải gọi là Phạn ngữ mới chính xác, có nhiều kiểu viết khác nhau. Theo GS. Hà Văn Tấn thì dạng chữ ghi trên chuông chùa Phúc Khánh chưa hẳn là dạng chữ Deva - Ganari như nhiều tài liệu tìm thấy tại Ấn Độ thời cổ. Rất có thể những chữ này là dạng chữ Deva - Ganari trong quá trình du nhập từ Ấn Độ qua Trung Á vào Tây Tạng, rồi thông qua con đường Tây Tạng được du nhập vào Việt Nam, đã bị cải biên và có nhiều chữ không giữ nguyên nghĩa như ban đầu.

Vẫn theo GS. Hà Văn Tấn thì nội dung một số đoạn chữ Phạn trên chuông chùa Phúc Khánh giống với nội dung của bài văn tế mà Dumoutier đã công bố trong cuốn: *Nghi lễ cổ của người Annam*[7]. Bài văn tế này theo Dumoutier là không rõ xuất xứ ở đâu? Vậy phải chăng, quả chuông chùa Phúc Khánh và một số quả chuông khác ở Hà Nội sẽ mang giá trị hiệu đính những nguồn tài liệu của bài văn tế mà Dumoutier đã công bố?

---

6. Hội thề Đông Quan diễn ra vào cuối cuộc kháng chiến chống Minh. Xung quanh vấn đề này, các nhà nghiên cứu đã có nhiều tranh luận về địa điểm Hội thề. Vào những thập niên 80 của thế kỉ trước, có cả một cuộc khảo sát quanh cuộc Hội thề này. Có người thì cho địa điểm Hội thề ở khu vực Hoả Lò bây giờ. Có người thì cho nó quanh khu vực Nhà máy cơ khí Trần Hưng Đạo, có nhiều người cho rằng khu vực Vĩnh Tuy – Mai Động hiện nay. Việc nghiên cứu địa điểm Hội thề Đông Quan vẫn chưa chấm dứt. Qua nghiên cứu quả chuông chùa Phúc Khánh, chúng tôi nghiêng nhiều về khả năng địa điểm Hội thề tại một nơi thuộc về làng Mơ Táo. Tất nhiên đây vẫn chỉ là ý kiến cá nhân.

7. Dumoutier. *Le ritual funeraires des Anamites và Etudes d'ethnographie religieuse*. H impress Schneider 1904. Nội dung sơ lược của hai cuốn sách này là nghi thức tang lễ của người Việt, các thủ tục lễ bái, cầu kinh, để tang, khâm liệm, chôn cất, bốc mộ, bài kinh, bùa có có băng giải nghĩa bằng tiếng Phạn, Trung Quốc và Việt Nam.